

Hợp đồng tín dụng hạn mức ("**Hợp đồng**") này được lập ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa- Vũng Tàu, số 24 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giữa các bên sau đây:

**A. Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

- Mã số doanh nghiệp: 0100150619;
- Trụ sở chính: Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Đơn vị trực tiếp quản lý khách hàng: Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Địa chỉ: 24 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Điện thoại: 02543.626468;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 0100150619-006 do Sở KH&ĐT tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 30/06/1993, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 30/11/2021.
- Người đại diện: ông **Lê Xuân Hải** Chức vụ: Giám đốc
- Văn bản ủy quyền: số 982/QĐ-BIDV ngày 01/11/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

*(Trong Hợp đồng này, "**Bên cấp tín dụng**" hoặc "**Ngân hàng**" có nghĩa là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trong đó Đơn vị đại diện quản lý khách hàng, trực tiếp ký Hợp đồng và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Bên cấp tín dụng theo Hợp đồng này là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu. Các mục, điều khoản của Hợp đồng này dẫn chiếu đến Bên cấp tín dụng hoặc Ngân hàng được hiểu là dẫn chiếu đến Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu).*

**B. Bên được cấp tín dụng: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings (sau đây gọi là "**Khách hàng**")**

- Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, Số 12 đường 3 tháng 2, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại: 0254. 3613518
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978, do Sở KH&ĐT tỉnh BR-VT cấp lần đầu ngày 28/01/2005; thay đổi lần thứ 23 ngày 30/06/2022.
- Tài khoản tiền gửi VND: 760.10.00.003385.7 tại BIDV Chi nhánh BR-VT.
- Người đại diện: Ông **Lê Đình Thắng** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

*Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng tín dụng này (bao gồm Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng) với các điều khoản sau:*

**1. Hạn mức cấp tín dụng:**

a) Ngân hàng cấp cho Khách hàng hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là: **320.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tỷ đồng) gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó:

Hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán, L/C tối đa: **255.000.000.000 VND** (bằng chữ: Hai trăm năm mươi lăm tỷ đồng).

Hạn mức thấu chi tối đa: **15.000.000.000 VND** (bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)

Hạn mức trên đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh của Khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/601139/HĐTD ngày 05/10/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung/phụ lục hợp đồng tín dụng hạn mức (nếu có) sang.

b) Mục đích: Cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

c) Hạn mức tín dụng nêu tại Điểm a) trên đây là hạn mức cho vay và phát hành bảo lãnh cộng gộp. Trường hợp giảm mức dư nợ cho vay thì tăng mức cam kết bảo lãnh, bảo đảm tại mọi thời điểm tổng dư nợ vay và số dư bảo lãnh của Khách hàng (trừ phần ký quỹ 100%) không vượt quá hạn mức tối đa tại Điểm a) nêu trên.

## **2. Thời hạn:**

a) Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng hạn mức.

Trong thời hạn cấp hạn mức, Khách hàng được đề nghị Ngân hàng cấp tín dụng với các mục đích và trong hạn mức tại Mục 1 nêu trên.

b) Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể được phát hành.

## **3. Biện pháp bảo đảm:**

Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này mà Điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này.

## **4. Tính thống nhất với Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng**

Các nội dung tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng hạn mức này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này. Khách hàng đã đọc, hiểu và chấp thuận tuân thủ đầy đủ các nội dung tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng cũng như các sửa đổi, bổ sung thay thế.

## **5. Luật áp dụng, giải quyết tranh chấp**

a) Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

b) Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình vay vốn được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa hai bên. Trường hợp không thương lượng được, các bên có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình. Hai bên thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

## **6. Hiệu lực của Hợp đồng**

a) Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và kết thúc khi hai Bên thỏa thuận chấm dứt hoặc theo các quy định tại Hợp đồng này và Khách hàng trả nợ xong cả gốc, lãi, lãi quá hạn, phí (nếu có) của toàn bộ những khoản vay, bảo lãnh đã phát sinh từ Hợp đồng này, đồng thời thời hạn cấp hạn mức tại Mục 2 đã hết.

b) Hợp đồng này có giá trị pháp lý ràng buộc đối với tất cả cá nhân, pháp nhân, tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên trên cơ sở chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, cổ phần hóa, mua bán doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức công ty, thay đổi pháp lý Khách hàng vay (bao gồm nhưng không giới hạn việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi trụ sở giao dịch, thay đổi tên gọi, thay đổi cổ đông, người góp vốn chi phối...) đối với Khách hàng, phân giao đầu mối quản lý nội bộ của Ngân hàng đối với Khách hàng (bao gồm nhưng không giới hạn chia, tách Phòng Giao dịch, chia, tách Chi nhánh, điều chuyển khách hàng sang Chi nhánh mới...).

c) Các văn bản, tài liệu liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.

d) Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Hợp đồng này phải được cả hai bên thoả thuận bằng văn bản (Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng) do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký, trừ trường hợp thay đổi lãi suất theo định kỳ (Ngân hàng sẽ có thông báo bằng văn bản cho Khách hàng). Những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các nội dung tương ứng trong Hợp đồng này.

e) Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho một hoặc một số nội dung quy định tại Hợp đồng này không thực hiện được hoặc vô hiệu thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực đối với những nội dung còn lại. Ngân hàng và Khách hàng sẽ cùng xem xét, sửa đổi, bổ sung những nội dung không thực hiện được hoặc vô hiệu cho phù hợp.

f) Hợp đồng này và bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng được lập thành 03 bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau: Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản. Các bên xác nhận rằng đã đọc, đã hiểu, đồng ý và thống nhất toàn bộ nội dung Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, cùng ký Hợp đồng làm căn cứ thực hiện.

**ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG**  
(Họ, tên, chức vụ, ký, đóng dấu)

Xác nhận trước khi ký Hợp đồng này, Khách hàng đã nhận được đầy đủ thông tin về lãi suất cho vay, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả, phương pháp tính lãi tiền vay, loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay, các tiêu chí xác định khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay và các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ nội dung Hợp đồng này.

Xác nhận trước khi ký Hợp đồng này, Khách hàng đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin về Hợp đồng theo mẫu, điều khoản và điều kiện cho vay.



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG**  
(Họ, tên, chức vụ, ký, đóng dấu)  
**GIÁM ĐỐC**



Lê Xuân Hải

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 02 25 84 Quyền số: 01-SCT/BS

09-12-2024

## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTĐ)

### Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. **Cấp tín dụng theo hạn mức:** là hình thức cấp tín dụng mà Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận và xác định một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Hạn mức tín dụng này bao gồm mức cho vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Trong khoảng thời gian đó, tổng dư nợ vay, bảo lãnh và L/C tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức tín dụng được cấp. Tùy theo nhu cầu của Khách hàng, khi phát sinh quan hệ cho vay, bảo lãnh, L/C, Khách hàng cam kết tuân thủ các quy định liên quan, tương ứng tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng.

2. **Cam kết bảo lãnh:** Là văn bản của Ngân hàng hoặc thỏa thuận giữa Ngân hàng với Bên nhận bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Khách hàng khi Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên nhận bảo lãnh, bao gồm Thư bảo lãnh hoặc Hợp đồng bảo lãnh.

### Điều 2. Các quy định liên quan đến việc phát hành bảo lãnh/L/C

#### 1. Nguyên tắc phát hành L/C:

a) Trường hợp Khách hàng có nhu cầu phát hành L/C, Khách hàng gửi Đơn đề nghị phát hành L/C cho Ngân hàng.

b) L/C được phát hành dựa trên cơ sở của hợp đồng thương mại đã ký giữa Khách hàng và người thụ hưởng L/C. Sau khi được phát hành, L/C hoàn toàn độc lập với hợp đồng thương mại. Ngân hàng chỉ làm việc trên bề mặt các chứng từ đã quy định trong L/C đã phát hành, không chịu trách nhiệm về sự khớp đúng giữa nội dung chứng từ và tình trạng thực tế của hàng hoá/dịch vụ mà chứng từ đề cập tới. Mọi tranh chấp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Khách hàng và người thụ hưởng L/C sẽ được giải quyết theo hợp đồng thương mại.

c) L/C được phát hành theo đề nghị của khách hàng và phù hợp với thông lệ quốc tế.

d) Khi có nhu cầu sửa đổi L/C, Khách hàng phải chuyển cho Ngân hàng Giấy đề nghị sửa đổi L/C và các tài liệu cần thiết cho mỗi lần sửa đổi. Phần chấp nhận của Ngân hàng trên Giấy đề nghị sửa đổi L/C là cơ sở ràng

buộc trách nhiệm giữa Ngân hàng và Khách hàng và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức.

#### 2. Nguyên tắc phát hành bảo lãnh:

a) Trong thời hạn của hạn mức tín dụng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Khách hàng có thể đề nghị Ngân hàng phát hành nhiều loại bảo lãnh và Cam kết bảo lãnh.

b) Khi có nhu cầu bảo lãnh, Khách hàng gửi đến Ngân hàng Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kèm hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, đồng thời cung cấp cho Ngân hàng các tài liệu cần thiết cho mỗi lần đề nghị bảo lãnh đó theo yêu cầu của Ngân hàng.

c) Ngân hàng phát hành Thư bảo lãnh, hoặc ký kết Hợp đồng bảo lãnh với Bên nhận bảo lãnh, hoặc xem xét, chấp thuận phát hành theo Phụ lục kèm theo Giấy đề nghị cấp bảo lãnh của từng lần cụ thể (nếu có) khi Khách hàng đã hoàn thành các điều kiện, thủ tục theo quy định của Ngân hàng.

d) Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kèm hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể đã có phần duyệt của Ngân hàng và Thư bảo lãnh/Hợp đồng bảo lãnh phát hành kèm theo là các bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức.

e) Khách hàng có nhu cầu gia hạn, sửa đổi Thư bảo lãnh/Hợp đồng bảo lãnh phải chuyển cho Ngân hàng Giấy đề nghị gia hạn, sửa đổi bảo lãnh theo Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kèm hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể của từng lần bảo lãnh. Phần chấp nhận của Ngân hàng trên Giấy đề nghị gia hạn/sửa đổi bảo lãnh của Khách hàng là cơ sở ràng buộc trách nhiệm giữa Ngân hàng và Khách hàng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức.

#### 3. Phương thức thực hiện nghĩa vụ theo L/C/Cam kết bảo lãnh đã phát hành:

a) Khi đến hạn thanh toán theo L/C, Khách hàng phải thanh toán ngay cho Người thụ hưởng.

b) Khi có thông báo của Bên nhận bảo lãnh về sự vi phạm nghĩa vụ đã được bảo lãnh, Khách hàng phải trả ngay số tiền được bảo lãnh theo yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh. Ngân hàng không chịu trách nhiệm và không có nghĩa vụ phải xác minh các căn cứ và tài liệu chứng minh của Bên nhận bảo lãnh (nếu có). Việc phải trả ngay số tiền được bảo

## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HDTD)

lãnh/L/C của Khách hàng là vô điều kiện. Tranh chấp giữa Khách hàng và Bên nhận bảo lãnh do các bên tự giải quyết.

c) Nếu Khách hàng không chủ động trả hoặc trả không đủ, Ngân hàng được quyền phong tỏa, trích tài khoản tiền gửi của Khách hàng mở tại Ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh/L/C.

4. Nhận nợ và hoàn trả nợ đối với nghĩa vụ theo L/C/nghĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện:

a) Trong trường hợp Ngân hàng áp dụng các biện pháp quy định tại Khoản 3 Điều này mà vẫn không đủ tiền trả cho Người thụ hưởng L/C/Cam kết bảo lãnh thì Ngân hàng sẽ trả nợ thay và tự động hạch toán chuyển thành nợ vay bắt buộc cho Khách hàng. Số tiền nhận nợ vay bắt buộc bao gồm toàn bộ số tiền bảo lãnh/L/C và các khoản lãi, tiền phạt phát sinh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

b) Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả ngay trong ngày số tiền mà Ngân hàng đã trả thay. Trường hợp Khách hàng không hoàn trả được ngay, Khách hàng phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thông báo của Ngân hàng đối với khoản nợ này cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

c) Sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Khách hàng, Ngân hàng được quyền áp dụng một, một số hoặc tất cả các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ gốc, lãi và các khoản chi phí liên quan.

d) Việc thực hiện nghĩa vụ L/C thay cho Khách hàng/thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng trong mọi trường hợp được xác định là có đầy đủ căn cứ pháp lý và Khách hàng phải có nghĩa vụ nhận nợ và hoàn trả số tiền như nêu trên.

5. Việc thu nợ bảo lãnh/L/C của Ngân hàng trong mọi trường hợp bao gồm nhưng không giới hạn (i) tự động trích tài khoản tiền gửi của Khách hàng mở tại Ngân hàng hoặc các TCTD khác (bằng phương thức lập ủy nhiệm thu); (ii) xử lý tài sản bảo đảm (bao gồm cả số tiền ký quỹ); (iii) áp dụng các biện pháp khác để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

6. Các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh:

a) Nghĩa vụ của Khách hàng chấm dứt.

b) Nghĩa vụ bảo lãnh đã được thực hiện

theo đúng cam kết bảo lãnh.

c) Việc bảo lãnh được hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.

d) Cam kết bảo lãnh đã hết hiệu lực.

e) Bên nhận bảo lãnh miễn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Ngân hàng.

f) Theo thỏa thuận của các bên.

g) Hợp đồng có nghĩa vụ được bảo lãnh vô hiệu mà các bên chưa thực hiện hợp đồng đó.

h) Trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

### Điều 3. Điều kiện trước khi giải ngân, phát hành bảo lãnh và L/C.

1. Điều kiện rút vốn vay: Trước khi giải ngân, phát hành cam kết bảo lãnh, L/C, Khách hàng phải:

a) Cung cấp cho Ngân hàng đầy đủ các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn, hồ sơ và chứng từ phát hành thư bảo lãnh, LC hợp lệ theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng có sự chấp thuận khác.

b) Mục đích vay vốn, phát hành cam kết bảo lãnh, L/C theo đề nghị của Khách hàng, theo nhận định của Ngân hàng, là (i) hợp pháp và hợp lý, và (ii) không tồn tại, tiếp diễn nguy cơ rủi ro mất hoặc khó có khả năng thu hồi một phần hoặc toàn bộ tiền vay.

c) Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại bất kỳ sự kiện nào dẫn đến việc Ngân hàng chấm dứt cấp tín dụng.

d) Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại bất kỳ sự kiện biến động thị trường hoặc các yếu tố khác làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, khả năng cấp tín dụng, nguồn vốn, giới hạn cấp tín dụng của Ngân hàng.

e) Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại hoặc tiềm tàng tranh chấp giữa các người đại diện pháp luật của Khách hàng, các thành viên sáng lập/góp vốn của Khách hàng hoặc giữa người đại diện pháp luật của Khách hàng và Kế toán trưởng của Khách hàng.

f) Khách hàng đồng ý với mức lãi suất của Ngân hàng hoặc các bên thỏa thuận được lãi suất tại thời điểm giải ngân.

g) Khách hàng đáp ứng và thực hiện đúng, đầy đủ các điều kiện cấp tín dụng được nêu trong Thông báo cấp tín dụng của Ngân hàng cho Khách hàng.

## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD)

h) Các biện pháp bảo đảm đã được thực hiện hoàn tất theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng có sự chấp thuận khác.

i) Ngày giải ngân phải nằm trong thời hạn giải ngân, trừ trường hợp Ngân hàng có sự chấp thuận khác.

j) Việc giải ngân phù hợp với lịch giải ngân dự kiến do Khách hàng thông báo và được Ngân hàng chấp thuận trong trường hợp Ngân hàng yêu cầu Khách hàng phải thông báo trước lịch giải ngân cho Ngân hàng.

k) Nếu giải ngân bằng ngoại tệ thì Khách hàng phải đáp ứng tất cả các yêu cầu theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối. Tỷ giá quy đổi từ loại tiền cấp tín dụng về loại tiền giải ngân do Ngân hàng quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định về quản lý tỷ giá của pháp luật.

l) Nếu việc giải ngân bằng tiền mặt thì Khách hàng phải đáp ứng tất cả các quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi được Ngân hàng giải ngân bằng tiền mặt.

m) Thực hiện tất cả các yêu cầu, điều kiện tiên quyết khác theo thỏa thuận với Ngân hàng.

2. Khách hàng được rút vốn vay nhiều lần trong suốt thời hạn được Ngân hàng cấp hạn mức. Mỗi lần rút vốn vay, Khách hàng và Ngân hàng sẽ ký Giấy đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng cụ thể. Ngân hàng sẽ từ chối ký Hợp đồng tín dụng cụ thể khi Khách hàng không đảm bảo được các điều kiện để cho vay theo quy định của Ngân hàng và pháp luật.

3. Đối với các L/C/bảo lãnh thanh toán đã mở theo Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể mà thời hạn rút vốn của Hợp đồng tín dụng hạn mức đã hết, Khách hàng vẫn có quyền được rút vốn vay để thanh toán L/C/bảo lãnh thanh toán và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể.

4. Tổng dư nợ tối đa trong các lần rút vốn vay không được vượt quá hạn mức cho vay (nếu có)/hạn mức tín dụng Ngân hàng đã cấp cho khách hàng.

### Điều 4. Trả nợ gốc, lãi:

#### 1. Lịch trả nợ:

a) Kế hoạch trả nợ và thời điểm tính lãi của từng khoản nợ được xác định tại các Hợp

đồng tín dụng cụ thể.

b) Phương thức tính lãi tiền vay (áp dụng cho cả việc tính lãi quá hạn): Tiền lãi được tính trên số dư nợ vay nhân (x) với số ngày duy trì nợ vay thực tế nhân (x) với lãi suất năm chia (:): 365.

#### 2. Phương thức trả nợ:

a) Khi bất cứ một món nợ nào (gốc, lãi, phí) đến hạn, Khách hàng chủ động trả nợ cho Ngân hàng hoặc Ngân hàng được quyền trích tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán của Khách hàng mở tại Ngân hàng để thu nợ (bao gồm cả tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán của Khách hàng mở tại các Chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng).

b) Trường hợp Khách hàng có tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng khác thì Ngân hàng được quyền đề nghị phong tỏa và Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được lập ủy nhiệm thu để trích tài khoản của Khách hàng tại các tổ chức tín dụng đó để thu nợ. Sau khi thực hiện, Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng biết

3. Khi có nguyên nhân khách quan không thanh toán được đầy đủ, đúng hạn nợ vay, Khách hàng có thể đề nghị bằng văn bản (theo mẫu của Ngân hàng) để Ngân hàng xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Văn bản đề nghị của Khách hàng phải gửi cho Ngân hàng tối thiểu 10 ngày trước ngày đến hạn trả nợ.

4. Trường hợp Khách hàng không thanh toán đúng hạn nợ gốc và không được Ngân hàng gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc thời gian gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đã kết thúc thì Ngân hàng được quyền chuyển số dư nợ gốc đó và số dư nợ gốc đó sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn quy định tại Khoản 6 Điều này kể từ thời điểm dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn.

5. Trường hợp Ngân hàng chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn theo Khoản 4 Điều 9 và thông báo cho Khách hàng theo Khoản 5 Điều 9 của bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này, Ngân hàng có quyền chuyển toàn bộ số dư nợ gốc còn lại mà khách hàng không trả được nợ trước hạn sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn quy định tại Khoản 6 Điều này kể từ thời điểm dư nợ gốc bị chuyển quá hạn.

## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTĐ)

6. Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 trên đây, Khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn đã được điều chỉnh.

Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng với các nội dung gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn và Thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng hạn mức

7. Đối với tiền lãi không trả đúng hạn, Khách hàng phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

8. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi vào ngày Ngân hàng không làm việc, thì ngày đến hạn sẽ là ngày làm việc liền sau đó.

### 9. Trả nợ trước hạn:

Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được thu nợ trước hạn, Ngân hàng sẽ không thu phí trả nợ trước hạn.

### 10. Nghĩa vụ thuế:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, nếu phát sinh nghĩa vụ nộp thuế của Khách hàng theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì thực hiện như sau:

a) Số tiền Khách hàng trả nợ gốc, lãi tiền vay và phí (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể không bị khấu trừ hoặc giữ lại để nộp bất kỳ khoản thuế, lệ phí hoặc khoản thu nào.

b) Khách hàng đồng ý rằng Ngân hàng được chủ động trích tiền (ghi Nợ) theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này trước khi Khách hàng thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

## Điều 5. Lãi suất và phí

### 1. Lãi suất:

a) Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

b) Trường hợp theo đề nghị của Khách hàng, Ngân hàng chấp thuận cho Khách hàng điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ, Ngân hàng có quyền điều chỉnh mức lãi suất, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ.

c) Ngân hàng được điều chỉnh lãi suất đột xuất do yêu cầu biến động lãi suất phù hợp với cơ chế điều hành lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Khi điều chỉnh lãi suất theo các trường hợp trên đây, Ngân hàng sẽ có thông báo bằng văn bản cho Khách hàng và thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể.

### 3. Phí:

a) Phí liên quan đến tiền vay: được áp dụng cho từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và mức thu phí theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

### b) Phí liên quan đến L/C:

Mức phí phát hành sẽ được Ngân hàng xác định cụ thể cho từng Đề nghị phát hành thư tín dụng tại thời điểm Khách hàng đề nghị phát hành L/C. Số tiền phí phát hành L/C đã thu không được Ngân hàng trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

### c) Phí phát hành bảo lãnh:

- Phí bảo lãnh: Mức phí bảo lãnh sẽ được Ngân hàng xác định cụ thể cho từng Cam kết bảo lãnh tại thời điểm Khách hàng đề nghị phát hành Cam kết bảo lãnh tại Giấy đề nghị bảo lãnh từng lần/cụ thể theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức. Số tiền phí bảo lãnh đã thu không được Ngân hàng trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

- Phí bảo lãnh được tính trên số tiền bảo lãnh nhân (x) với số ngày bảo lãnh thực tế nhân (x) với mức phí bảo lãnh theo năm chia (:) cho 365 nhưng mức phí bảo lãnh tối thiểu cho mỗi lần bảo lãnh không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

d) Đến ngày trả phí, Khách hàng chủ động trả phí cho Ngân hàng, nếu hết hạn mà

## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD)

Khách hàng không trả hoặc trả không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được thực hiện các biện pháp thu phí như quy định tại Khoản 2 Điều 4 bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này.

e) Trường hợp phí bảo lãnh được thanh toán nhiều lần và Ngân hàng đã thực hiện các biện pháp quy định tại Điểm c Khoản này để thu phí nhưng vẫn không thu được thì Ngân hàng có quyền áp dụng mức lãi suất chậm trả bằng theo quy định tại Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể áp dụng tại thời điểm thanh toán phí bảo lãnh (theo thông báo của Ngân hàng) tính trên số phí bảo lãnh chưa thanh toán và số ngày chậm trả.

f) Trường hợp có phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến khoản vay, Khách hàng đồng ý trả ngay cho Ngân hàng các loại phí phát sinh theo biểu phí do Ngân hàng công bố tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và từng thời điểm theo thông báo của Ngân hàng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

g) Khách hàng đồng ý trả các khoản phí, lệ phí để thực hiện các thủ tục công chứng/chứng thực/xác nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm, định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm và các loại phí, lệ phí khác (nếu có) phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai liên quan đến việc cho vay theo Hợp đồng tín dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp Ngân hàng trả thay cho Khách hàng các khoản phí, lệ phí này thì Khách hàng phải hoàn trả lại Ngân hàng số tiền Ngân hàng đã trả thay cho Khách hàng trong thời hạn phù hợp do Ngân hàng yêu cầu.

### Điều 6. Thứ tự ưu tiên thanh toán

1. Thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) khi khoản nợ của Khách hàng trong hạn như sau: (i) nợ lãi trong hạn; (ii) nợ gốc đến hạn; (iii) các loại phí; (iv) các nghĩa vụ tài chính khác.

2. Thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) khi khoản nợ của Khách hàng quá hạn như sau: (i) nợ gốc quá hạn; (ii) nợ gốc đến hạn; (iii) nợ lãi quá hạn; (iv) nợ lãi trong hạn; (v) các loại phí; (vi) các nghĩa vụ tài chính khác.

**Điều 7. Đồng tiền sử dụng trong quan hệ tín dụng**

1. Khách hàng nhận nợ bằng loại tiền tệ nào thì trả nợ gốc, lãi bằng loại tiền tệ đó. Đồng tiền trả phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể là đồng Việt Nam.

2. Trường hợp cho vay bằng ngoại tệ, Khách hàng phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng ngoại tệ theo đúng quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp Ngân hàng chủ động trích tiền (ghi nợ) mà đồng tiền trong tài khoản trích nợ khác với đồng tiền Khách hàng phải trả theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể thì Ngân hàng được quyền quy đổi số tiền đó theo tỷ giá do Ngân hàng quyết định tại thời điểm quy đổi và trừ phí quy đổi tiền tệ theo quy định của Ngân hàng.

### Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

1. Được yêu cầu Ngân hàng giải ngân vốn vay, phát hành Cam kết bảo lãnh, phát hành L/C với tổng dư nợ tối đa theo hạn mức quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Ngân hàng và quy định tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này.

2. Kiểm tra tính xác thực của Cam kết bảo lãnh do Ngân hàng phát hành.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả; báo cáo và cung cấp các chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay, các chứng từ, tài liệu làm căn cứ để phát hành Cam kết bảo lãnh, L/C và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các chứng từ này.

4. Tạo điều kiện cho Ngân hàng kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay theo yêu cầu của Ngân hàng.

5. Cam kết sử dụng tối đa các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng đồng thời cam kết chuyển doanh thu về tài khoản mở tại BIDV tối thiểu bằng 120 % doanh số cho vay và tỷ trọng doanh thu chuyển về không thấp hơn tỷ lệ tài trợ vốn của BIDV so với các TCTD khác. Trường hợp chỉ quan hệ tín dụng duy nhất tại BIDV, khách hàng cam kết chuyển toàn bộ doanh thu về tài khoản mở tại BIDV.



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD)

6. Cam kết thực hiện bổ sung các biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của BIDV khi khách hàng không còn đáp ứng được các điều kiện cam kết tại thời điểm phê duyệt cấp tín dụng hoặc trường hợp BIDV yêu cầu khác (nếu có); hoặc

Trả nợ trước hạn và ủy quyền BIDV có toàn quyền xem xét, phong tỏa và trích chuyển các số dư trên tài khoản thanh toán và các loại giấy tờ có giá khác mà khách hàng đứng tên tại BIDV và tổ chức tín dụng khác để thu nợ nếu không thực hiện được yêu cầu bổ sung biện pháp bảo đảm.

7. Cam kết không thế chấp các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản hình thành từ vốn vay của BIDV để đảm bảo cho các nghĩa vụ tại các tổ chức tín dụng khác trừ trường hợp BIDV tham gia cấp tín dụng hợp vốn.

8. Chấp thuận cho Ngân hàng được lưu trữ và sử dụng các thông tin về Khách hàng và khoản vay tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và các văn bản, tài liệu khác có liên quan để sử dụng vào các mục đích mà Ngân hàng cho là phù hợp và cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn việc cung cấp thông tin cho các tổ chức cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng, các công ty con/công ty liên kết của Ngân hàng và cam kết không có khiếu nại, khiếu kiện về việc sử dụng thông tin này của Ngân hàng.

9. Khách hàng phải thông báo bằng văn bản kịp thời và phải được sự chấp thuận của Ngân hàng về các thay đổi sau:

a) Những thay đổi ảnh hưởng hoặc đe dọa đến giá trị của tài sản thế chấp, tài sản đầu tư bằng vốn vay.

b) Những thay đổi về vốn, tài sản ảnh hưởng đến khả năng tài chính của Khách hàng và những thay đổi khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi vay cho Ngân hàng.

c) Thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự.

d) Đổi tên, thay địa chỉ trụ sở chính của Khách hàng.

e) Khách hàng đang trong quá trình tiến hành thay đổi hình thức sở hữu, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, cổ phần hóa, hoặc chuyển quyền sở hữu, ngừng hoạt động, giải thể ....

f) Thay đổi tình trạng của Bên bảo đảm (nếu khoản vay có bảo đảm của bên thứ ba).

g) Có những tranh chấp nội bộ Khách hàng có liên quan đến khoản vay ngân hàng.

10. Trong trường hợp không trả được nợ, Khách hàng phải thực hiện các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp, cầm cố liên quan đến Hợp đồng tín dụng hạn mức. Nếu tiền thu được do xử lý tài sản thế chấp, cầm cố không đủ để thanh toán nợ gốc và lãi vay thì Khách hàng có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng.

11. Trước khi thay đổi hình thức sở hữu, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, Khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng hoặc phải thông báo trước cho Ngân hàng và được Ngân hàng chấp thuận.

12. Trong thời gian Khách hàng chưa trả hết nợ gốc và lãi vay, Khách hàng chỉ được nhượng bán tài sản đầu tư bằng vốn vay với điều kiện toàn bộ tiền thu được phải chuyển hết vào tài khoản tiền gửi mở tại Ngân hàng để hoàn trả nợ gốc và lãi vay (nội dung này phải được quy định rõ trong hợp đồng mua bán tài sản). Nếu không đủ, Khách hàng phải dùng các nguồn khác để trả nợ gốc và lãi vay Ngân hàng.

13. Bảo hiểm:

a) Đối với những khoản vay bắt buộc mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng, Khách hàng cam kết mua bảo hiểm theo đúng quy định. Số tiền bảo hiểm trong trường hợp phát sinh rủi ro sẽ được chuyển thẳng vào tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng và Ngân hàng được toàn quyền quyết định việc sử dụng số tiền bảo hiểm này, kể cả việc giữ lại trên tài khoản để dùng vào mục đích trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể.

b) Khách hàng ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho Ngân hàng nộp Đơn đề nghị thanh toán tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm mà vì bất kỳ lý do nào đó Khách hàng đã không hoặc không thể thực hiện được quyền yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm;

c) Khách hàng cam kết ưu tiên mua bảo hiểm tại Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) trong suốt thời gian vay vốn.

d) Trong bất kỳ trường hợp nào, nếu

## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTĐ)

Khách hàng không thanh toán kịp thời phí bảo hiểm, Ngân hàng được quyền chủ động trích tài khoản tiền gửi của Khách hàng để thanh toán tiền phí bảo hiểm. Trường hợp số dư tài khoản tiền gửi của Khách hàng không có đủ để thanh toán phí bảo hiểm, Ngân hàng có quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) thực hiện cho vay bắt buộc để thanh toán tiền phí bảo hiểm với số tiền cho vay bằng chênh lệch giữa số tiền phí bảo hiểm theo lịch thanh toán phí bảo hiểm trừ đi số dư có trên tài khoản tiền gửi của Khách hàng. Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ số tiền vay trong thời gian sớm nhất cộng với lãi suất cho vay đối với số tiền cho vay bắt buộc đó.

14. Lãi suất cho vay đối với số tiền cho vay bắt buộc tối thiểu bằng lãi suất cho vay theo quy định hiện hành của Ngân hàng.

15. Trong trường hợp Khách hàng vi phạm các điều khoản tại Hợp đồng này, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, Khách hàng phải thanh toán toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi trả cho việc thực hiện các biện pháp thu hồi nợ.

### Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

1. Yêu cầu Khách hàng cung cấp toàn bộ các báo cáo về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh và thông tin cần thiết liên quan đến vốn vay.

2. Ngân hàng có quyền từ chối cho vay, phát hành Cam kết bảo lãnh, L/C nếu Khách hàng không đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện theo quy định của Ngân hàng.

3. Kiểm tra trước, trong, sau khi cho vay vốn và quá trình thu nợ, thu lãi đến khi Khách hàng trả hết nợ vay.

4. Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản cấp tín dụng chưa thanh toán và xử lý tài sản bảo đảm của Khách hàng/Bên bảo đảm trong các trường hợp xảy ra một trong các sự kiện Sự kiện vi phạm theo quy định tại Điều 10 của bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này.

5. Khi thực hiện chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn theo Khoản 4 Điều này, Ngân hàng sẽ thông báo cụ thể cho khách hàng. Nội dung thông báo sẽ bao gồm thời điểm chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ vay trước hạn; số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn;

thời hạn phải trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

6. Từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi Cam kết bảo lãnh hết hiệu lực hoặc hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh không đáp ứng đủ các điều kiện quy định trong Cam kết bảo lãnh, hoặc có bằng chứng chứng minh chứng từ xuất trình là giả mạo.

7. Xem xét chấp thuận việc trả nợ trước hạn.

8. Được lưu trữ và sử dụng các thông tin về Khách hàng và khoản vay tại Hợp đồng tín dụng và các văn bản, tài liệu khác có liên quan để sử dụng vào các mục đích mà Ngân hàng cho là cần thiết, phù hợp và không trái quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn việc cung cấp thông tin cho các tổ chức cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng, các công ty con/công ty liên kết của Ngân hàng và cam kết không có khiếu nại, khiếu kiện về việc sử dụng thông tin này của Ngân hàng.

9. Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể cho các chủ thể khác (bán nợ) theo quy định về mua bán nợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cam kết bảo lãnh và thông báo cho Khách hàng.

10. Yêu cầu Khách hàng bổ sung các tài sản bảo đảm trong trường hợp Khách hàng không đáp ứng được chính sách tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng, hoặc không còn đáp ứng được các điều kiện tại thời điểm phê duyệt cấp tín dụng.

11. Ngân hàng có quyền bù trừ các nghĩa vụ của Khách hàng đối với Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc các văn kiện tín dụng, văn kiện bảo đảm được xác lập với Ngân hàng thông qua phương thức: (i) trích tài khoản tiền gửi (bao gồm nhưng không giới hạn tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các tài khoản tiền gửi khác) của Khách hàng mở tại các Chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng; và/hoặc (ii) chủ động đối trừ bất kỳ nghĩa vụ nào khác của Khách hàng tại Ngân hàng. Ngân hàng không phải thông báo cho Khách hàng, bên thứ ba trước khi thực hiện bù trừ nghĩa vụ.

12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy

## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTĐ)

định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

### Điều 10. Sự kiện vi phạm

1. Khách hàng được coi là vi phạm Hợp đồng tín dụng trong các trường hợp sau:

a) Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí phát sinh, các cam đoan và bảo đảm, các điều kiện tiên quyết trước khi giải ngân và các nghĩa vụ khác phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng bảo lãnh cụ thể cũng như các văn bản, thỏa thuận ký kết với Ngân hàng;

b) Khách hàng không thông báo và không được sự chấp thuận của Ngân hàng về các thay đổi tại Khoản 7 Điều 8 trên đây.

c) Nhu cầu, tình hình sản xuất, kinh doanh, tài chính của Khách hàng, theo nhận định của Ngân hàng, thay đổi đáng kể so với nhu cầu, tình hình sản xuất, kinh doanh và tài chính của Khách hàng tại thời điểm Khách hàng được Ngân hàng cấp tín dụng;

d) Sự kiện biến động thị trường hoặc các yếu tố khác, theo nhận định của Ngân hàng, làm ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả của dự án sử dụng vốn, tình hình tài chính, tình hình sản xuất, kinh doanh của Khách hàng;

e) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm (nếu có) vi phạm Quy chế cho vay, Quy chế bảo lãnh của Ngân hàng Nhà Nước;

f) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với Ngân hàng;

g) Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ duy trì số dư tiền gửi, doanh số thanh toán qua tài khoản thanh toán của Khách hàng tại Ngân hàng trong trường hợp các bên có thỏa thuận;

h) Việc duy trì khoản vay, theo nhận định của Ngân hàng, dẫn đến Ngân hàng vi phạm các quy định pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

i) Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào;

j) Bên bảo đảm vi phạm pháp luật trong việc tạo lập, quản lý, sử dụng tài sản bảo đảm mà việc vi phạm này, theo đánh giá của Ngân

hàng, sẽ ảnh hưởng xấu đến hoặc tạo ra sự cản trở đối với việc xử lý tài sản bảo đảm hoặc vi phạm này có thể dẫn đến Nhà nước tịch thu, thu hồi tài sản bảo đảm;

k) Những thay đổi khác về tài sản bảo đảm dẫn đến nguy cơ không xử lý, quản lý được tài sản bảo đảm theo nhận định của Ngân hàng;

l) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của Ngân hàng là có ảnh hưởng đến phần lớn tài sản, nguồn tiền và tài sản để trả nợ của Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm;

m) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm cung cấp thông tin sai sự thật, kể cả những thông tin cung cấp trước khi được cấp tín dụng;

n) Khách hàng (bao gồm cả chủ sở hữu/người quản lý/người điều hành/người đại diện theo pháp luật của khách hàng) xảy ra sự kiện: Bị khởi tố/điều tra/truy tố/xét xử về hình sự/chịu trách nhiệm hình sự/bị áp dụng hình phạt về hình sự; và/hoặc Bên bảo đảm xảy ra sự kiện: Bị mất năng lực hành vi dân sự/bị hạn chế năng lực hành vi dân sự/có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị khởi tố/điều tra/truy tố/xét xử về hình sự/chịu trách nhiệm hình sự/bị áp dụng hình phạt về hình sự.

o) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm là cá nhân bị mất năng lực hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi hoặc bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;

p) Khách hàng, Bên bảo đảm có một hoặc một số khoản cấp tín dụng chuyển sang nợ quá hạn và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ;

q) Các nguy cơ khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn Khách hàng bị phạt hoặc bị liên đới đến các trách nhiệm pháp lý mà có nguy cơ phải bồi thường tài chính hoặc nộp phạt trị giá từ năm phần trăm (5%) vốn chủ sở hữu trở lên.

r) Khi một nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm bằng một hoặc nhiều tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm mà tài sản bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm này bị xử lý hoặc được thực thi để thanh toán cho một nghĩa vụ khác thì nghĩa vụ trả nợ này tuy chưa đến hạn cũng được xem là đến hạn và Khách hàng phải thanh toán nợ trước hạn cho Ngân hàng, trừ trường hợp được

**ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG**  
(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD)

Ngân hàng chấp thuận khác.

s) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và Hợp đồng bảo đảm.

t) Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh từ các Hợp đồng bảo đảm tiền vay bảo đảm cho khoản vay/cam kết bảo lãnh.

s) Một trong những chủ thể trong nhóm khách hàng liên quan của Khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Người có liên quan theo thỏa thuận của các bên bao gồm:

- Doanh nghiệp là công ty mẹ và/hoặc công ty con của Khách hàng;

- Doanh nghiệp có cùng công ty mẹ với Khách hàng;

- Doanh nghiệp mà Khách hàng (a) sở hữu từ 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông/vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; và/hoặc (b) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó; và/hoặc (c) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.

- Tổ chức hoặc cá nhân (a) sở hữu từ 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông/vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Khách hàng; và/hoặc (b) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác, thành viên Ban kiểm soát của Khách hàng; và/hoặc (c) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Khách hàng.

t) Khách hàng:

- Vi phạm nghĩa vụ đối với bất kỳ khoản cấp tín dụng nào tại BIDV;

2. Khi phát sinh bất kỳ một sự kiện vi phạm nào, Ngân hàng được quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc

phục trong một thời gian hợp lý do Ngân hàng quyết định. Trường hợp Khách hàng không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ, Ngân hàng sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn: dừng giải ngân vốn vay/cấp tín dụng mới; tạm khóa và/hoặc ghi nợ bất kỳ tài khoản nào của Khách hàng để thu nợ trước hạn hoặc đến hạn; khởi kiện, phát mại tài sản của Khách hàng đang ký quỹ, cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng, đình chỉ cho vay và thu hồi nợ trước hạn.

**Điều 11. Phạt vi phạm**

Trường hợp Khách hàng không thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể cũng như các sửa đổi, bổ sung, thay thế khác. Khách hàng phải chịu phạt vi phạm theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể. Điều khoản phạt vi phạm không áp dụng đối với trường hợp Khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc/lãi vốn vay.

**Điều 12. Điều khoản chung**

1. Khách hàng cam kết đã hoàn tất các thủ tục cần thiết trong nội bộ công ty để được ký Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và các văn bản, tài liệu có liên quan.

2. Thông báo: Mọi thông báo và thư từ giao dịch giữa hai bên được gửi theo địa chỉ nêu tại Phần đầu của Hợp đồng tín dụng này (trừ trường hợp đã có thông báo thay đổi địa chỉ khác bằng văn bản) và được lập thành văn bản và có chữ ký của người có thẩm quyền; nếu được chuyển bằng bưu điện thì ngày gửi đi được coi là ngày theo dấu xác nhận của bưu điện cơ sở nơi chuyển.

3. Khách hàng sẽ có mặt tại địa chỉ nêu tại phần các bên tham gia Hợp đồng tín dụng hạn mức hoặc địa chỉ khác được thông báo cho Ngân hàng để nhận các thông tin thực hiện và giải quyết tranh chấp Hợp đồng. Trường hợp Khách hàng không có mặt tại địa chỉ này liên tục ba mươi (30) ngày và không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng thì Khách hàng được coi là giấu địa chỉ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ thực hiện (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ) Hợp đồng. Khi đó, Ngân hàng được quyền khởi kiện và đề nghị Toà án cấp có thẩm quyền thụ lý vụ án theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt Khách hàng mà không cần tiến hành bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác.



VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HỢP  
ĐỒNG TÍN DỤNG

Số Hợp đồng:  
01/2024/601139/VBSĐ

Văn bản này sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023, được lập ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu, số 24 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh BRVT, giữa các bên sau đây:

**A. BÊN CẤP TÍN DỤNG: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

- Mã số doanh nghiệp: 0100150619;
- Địa chỉ Trụ sở chính: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;
- Đơn vị trực tiếp quản lý khách hàng: Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Địa chỉ: 24 Trần Hưng Đạo, Phường 01, Thành phố Vũng Tàu
- Điện thoại: 0254.3852266;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh 0100150619-006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BRVT cấp lần đầu ngày 30/6/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07/11/2023

- Người đại diện: ông **Lê Mạnh Hùng** Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

(Trong Văn bản này, “**Bên cấp tín dụng**” hoặc “**Ngân hàng**” có nghĩa là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trong đó Đơn vị đại diện quản lý khách hàng, trực tiếp ký Văn bản và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Bên cấp tín dụng theo Văn bản này là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu)

**B. BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings (sau đây gọi là Khách hàng).**

- Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, Số 12 đường 3 tháng 2, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Mã số doanh nghiệp: 3500686978
- Số Tài khoản tiền gửi : 7600033857 tại BIDV Chi nhánh BR-VT
- Do ông: **Lê Đình Thắng** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT làm đại diện.

Hai bên tiến hành cùng nhau thoả thuận ký kết Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 với các điều khoản sau:

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 ký kết giữa Bên vay và Ngân hàng, cụ thể như sau:**

1. Sửa đổi điểm a Mục 1: **Hạn mức cấp tín dụng** thành như sau:

a) Ngân hàng cấp cho Khách hàng hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là: **320.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tỷ đồng) gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó:

Hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán tối đa: 255.000.000.000 VND (bằng chữ: Hai trăm năm mươi lăm tỷ đồng).

Hạn mức trên đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh của Khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/601139/HĐTD ngày 05/10/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung/phụ lục hợp đồng tín dụng hạn mức (nếu có) sang.

2. Sửa đổi điểm a Mục 2: Thời hạn thành như sau:

a) Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng hạn mức đến ngày 12/05/2024 hoặc khi Ngân hàng có quyết định cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2024-2025 cho Khách hàng. Tùy thời điểm nào đến sớm hơn.

Trong thời hạn cấp hạn mức, Khách hàng được đề nghị Ngân hàng cấp tín dụng với các mục đích và trong hạn mức tại Mục 1 nêu trên.

**Điều 2. Điều khoản thực hiện:**

1. Ngoại trừ các điều khoản được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Văn bản này, các điều khoản khác của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 là không thay đổi và vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực.

2. Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận kèm theo, không tách rời và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023.

3. Các bên nghiêm túc tuân thủ, thực hiện các nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Văn bản này.

4. Văn bản này được lập thành 03 bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau: Ngân hàng giữ 02 bản, Bên vay giữ 01 bản.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng và Bên vay đã thống nhất, hiểu rõ các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Văn bản này, và cùng nhau ký tên xác nhận dưới đây



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ (Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu
Bên vay: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23
Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT
Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng
Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../.../2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")
Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

6.255.762.560 đồng Số tự, hai trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi đồng chẵn.

Thời hạn vay: 1 tháng
Để thanh toán nội dung dưới đây

Table with 7 columns: ST T, Nội Dung, Số hiệu chứng từ KT, Số tiền, Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng, Người hưởng, Số tài khoản, Ngân hàng. Rows include DICcons - KL đợt 4 cung cấp và lắp đặt hệ thống điều hoà không khí CT Viettel, DICcons - KI hoàn thành đợt 2 nhân công thi công và vật tư phụ Đường giao thông Ct PTSC, etc.

Tài liệu liên quan:

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

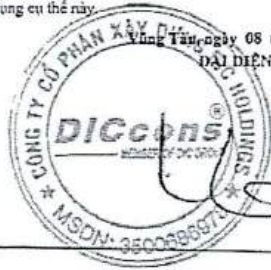
3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Handwritten signature

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Đình Thắng



## PHÂN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023.
- Thời hạn từ ngày 12/01/2023 đến hết ngày 12/01/2024
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán, L/C, bảo lãnh : 305.000 trđ
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán, L/C, bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: 294.565 trđ
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: 10.435 trđ

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự:

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-8
- Số hiệu tài khoản vay:..... 403000 8143 78.....  
Với tổng số tiền là: 6.255.762.560 VND (Bằng chữ: Sáu tỷ, hai trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm sáu mươi đồng)
- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 08/01/2024
  - Ngày đáo hạn: 08/12/2024
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: 8,5%/năm, lãi suất cố định.
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 08/12/2024
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 2 2 5 9 1 Quyền số: 01-SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN

Vũng Tàu, ngày 08, tháng 01 năm 2024  
PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bình



HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../.../2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

5.492.984.227

đồng

Năm tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu, chín trăm tám mươi bốn ngàn, hai trăm hai mươi bảy đồng chẵn.

Thời hạn vay: ... tháng

Đề thanh toán nội dung dưới đây

Table with 6 columns: STT, Nội Dung, Số hiệu chứng từ KT, Số tiền, Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng (Người hưởng, Số tài khoản, Ngân hàng)

TỔNG CỘNG

Liên quan:

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

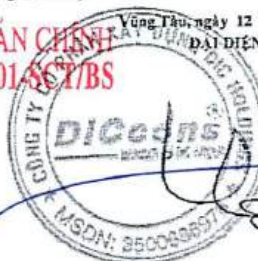
Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH VÙNG TÀU, ngày 12 tháng 01 năm 2024

Số chứng từ 2 2 5 9 1 Quyền số: 01/SC/T/BS

10-12-2024

NGUYỄN THỊ TIẾN HƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT Lê Đình Thắng

CÔNG CHỨNG VIÊN NGUYỄN THỊ NGÂN



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023.
- Thời hạn từ ngày 12/01/2023 đến hết ngày 12/01/2024
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán, L/C, bảo lãnh : 305.000 trđ

- Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán, L/C, bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: 299.478 trđ
- Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: 5.522 trđ

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự:

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-15
  - Số hiệu tài khoản vay:.....405.000.846.332.....
- Với tổng số tiền là: 5.492.984.227 VND (Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng)

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 12/01/2024
  - Ngày đáo hạn: 12/12/2024
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: 8,5%/năm, lãi suất cố định.
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 12/12/2024
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 01 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN  
HỒ GIẤM ĐỌC



Nguyễn Văn Bình

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../ /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

	5.266.467.133	đồng	Năm tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi bảy ngàn, một trăm ba mươi ba đồng chẵn.
--	---------------	------	---

Thời hạn vay: ..... tháng

Đề thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Giá trị khối lượng thanh toán đợt 2 hạng mục cung cấp vật tư và thi công chống thấm CT Hilton	Unedtv01	364.351.429	Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới	101366919	ACB - HCM
2	Tiền khối lượng hoàn thành đợt 2 nhân công thi công và vật tư phụ Đường giao thông CT PTSC	Unedtv02	402.115.704	Công ty TNHH Xây Dựng An Lạc	100000056789	TMCP Quốc Dân - CN BRVT
3	Tiền quyết toán cho thuê và thi công cừ Larsen CT A2	Unedtv03	2.500.000.000	Công ty TNHH XD TM Tân Vũ	14510000167168	BIDV - CN 30/4, TPHCM
4	Thanh toán quyết toán CT Long Sơn	Unedtv04	2.000.000.000	Công ty Cổ phần Cơ Khí Xây Dựng Thương Mai Đại Dũng	1381 00000 13010	BIDV - CN Bến Nghé - TPHCM
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.266.467.133</b>			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/tý quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/tý quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).


Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này

KÊ TOÁN TRƯỞNG

*le*

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2024  
ĐẠI DIỆN BÊN VAY



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 022591 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024

S.Đ.K.H.D: 35-C.T.H.H  
VĂN PHÒNG  
CÔNG CHỨNG  
NGUYỄN THỊ NGÂN



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN

S.Đ.K.H.D  
VĂN  
CÔNG  
NGUYỄN

S.Đ.K.H.D: 010015061  
NGÂN HÀNG  
THƯƠNG MẠI CỔ  
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT  
VIỆT NAM  
CHI NHÁNH  
BÀ RI - VŨNG TÀU  
TỈNH BÀ RI - VŨNG TÀU





Mẫu số 08/HĐTD

Số hợp đồng: /2023/601139/HĐTD

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KIBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thống

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../.../2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

2.923.923.656

đồng

Hai tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, chín trăm hai mươi ba ngàn, sáu trăm năm mươi sáu đồng chẵn.

Thời hạn vay: ... tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Tiền KL lắp đặt giao A2 đợt 7	Unedtv01	119.177.357	Công ty TNHH Tư vấn Thương mại Xây dựng Uyên Minh	76610000180232	BIDV - CN Vũng Tàu
2	Thanh toán tiền KL thi công đến 90% công trình Quy nhơn	Unedtv02	209.936.295	Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trung Nguyễn	982384338	ACB - Chi nhánh Vũng Tàu
3	QT thi công kết cấu + hàng rào tan CT Đà Lạt	Unedtv03	173.272.204	Công ty Cổ phần Xây dựng và Vn tài Thiên Khánh	060181605556	Sacombank - CN Trung tâm - PGD Phan Xích Loan, TP. Hồ Chí Minh
4	Khởi công thanh toán đợt 4 CT A2-1	Unedtv04	500.000.000	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng Mạnh Cường	76010000854128	BIDV - CN Vũng Tàu
5	Thanh toán Tiền nhân công đợt 5 VTCP	Unedtv05	234.023.640	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG ĐỊA ỐC PHÚC AN	1021396529	Vietcombank - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu
6	Tiền nhân công đợt 3 VTCP	Unedtv06	350.000.000	Công ty TNHH Duy Ngọc Phú	050063586657	Sacombank - CN Đồng Nai
7	Tiền chống thấm ngầm và lửng 1 công trình VTCP	Unedtv07	150.000.000	Công ty TNHH chống thấm và xây dựng Kim Bảo Phát	9063942998	ACB - CN Văn Lang Quận Gò Vấp TP HCM
8	Tiền gạch xây A2	Unedtv08	200.000.000	Doanh Nghiệp Tư Nhân Phú Đại Thành	67110000485934	BIDV Chi nhánh Đồng Nai
9	Tiền phụ kiện kim khí	Unedtv09	100.000.000	HỒ KINH DOANH SƠN HÀ	101879771541	Vietinbank - CN BRVT
10	Tiền xi măng các công trình	Unedtv10	200.000.000	Công ty TNHH Nghĩa Thành	0081000739810	VCB - CN Vũng Tàu
11	Tiền khối lượng quyết toán vận chuyển san nền Ao Cá	Unedtv11	487.514.160	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Demandco	7601 000 109 8868	BIDV - CN BRVT
12	Thanh toán tiền silica CT PTSC	Unedtv12	100.000.000	Công ty TNHH Máy XD và Trắc Đo Hoàng Quân	6000201012113	Agribank - chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu
13	Thanh toán tiền thiết bị điện CT A2	Unedtv13	100.000.000	DNTN TM & XD Diệu Hiền	760 10 0000 36005	BIDV - CN BRVT
TỔNG CỘNG			2.923.923.656			

Tài liệu liên quan:

Sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc pháp lý và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/tư quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/tư quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*(Signature)*

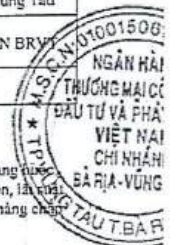
10-12-2024

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thống

CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN



## PHẢN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **316.399 trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **3.601trđ**

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự:

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-13
- Số hiệu tài khoản vay:.....*101.0001.2.34.2.8*.....

Với tổng số tiền là: **2.923.923.656 VND (Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi sáu đồng)**

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 06/02/2024
  - Ngày đáo hạn: *6*./01/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (*lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có*).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: *6*./01/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chí phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vùng Tàu, ngày 06 tháng 02 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN

ĐƯỢC GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bình



Mẫu số 08/HĐTD

Số hợp đồng: /2023/601139/HĐTD

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày.../ /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

1.000.000.000 đồng Một tỷ đồng chẵn.

Thời hạn vay: 11 tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Thanh toán tiền cho thuê và thi công hệ cơ larsen và giằng chống	Unedrv01	1.000.000.000	Công ty TNHH XD TM Tân Vũ	14510000167168	BIDV - CN 30/4, TPHCM
<b>TỔNG CỘNG</b>			1.000.000.000			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp thuận cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Handwritten signature*

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 022591 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024

CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: **313.623 trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **6.377 trđ**

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự:

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
- Số hiệu tài khoản vay: ...*408.000.000.000*.....  
Với tổng số tiền là: **1.000.000.000 VND** (Bằng chữ: *Một tỷ đồng*)
- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 07/02/2024
  - Ngày đáo hạn: 07/01/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (*lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có*).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 07/01/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 07 tháng 02 năm 2024

**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thị Thanh Thủy*



HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ (Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thăng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../ /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tới rút số tiền vay:

3.242.629.081 đồng Ba tỷ, hai trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, không trăm tám mươi một đồng chẵn.

Thời hạn vay: 11 tháng Để thanh toán nội dung dưới đây

Table with 6 columns: STT, Nội Dung, Số hiệu chứng từ KT, Số tiền, Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng (Người hưởng, Số tài khoản, Ngân hàng). Rows include payments for construction projects like 'Xây nhà Gò Cát', 'Cung cấp và thi công mái ngói CT Gò Cát', etc.

Tài liệu liên quan:

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Mọi bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ủy quyền/bảo lãnh bằng tài sản bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ủy quyền/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Handwritten signature of the accountant.

Handwritten signature and stamp of the lending representative: Ông Lê Đình Thăng, ĐẠI DIỆN BÊN VAY.

CHỨNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số chứng thực 2 2 5 9 Quyền số: 01-SCT/BS

Red circular stamp: S.Đ.K.H.Đ: 35-C.T.H.A. VẤN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ NGÂN. Date: 10-12-2024.

CHỦ TỊCH HĐQT Lê Đình Thăng

CÔNG CHỨNG VIÊN NGUYỄN THỊ NGÂN

Red circular stamp: S.Đ.K.H.Đ: VẤN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ NGÂN.

Red circular stamp: S.Đ.K.H.Đ: 35-C.T.H.A. THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH BÀ RI - VŨNG TÀU.

## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

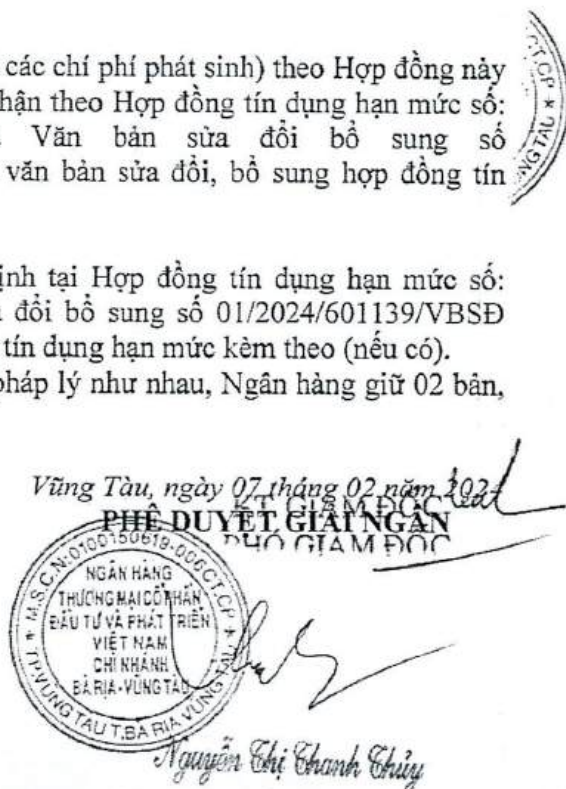
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: **314.623 trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **5.377 trđ**

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự:

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
- Số hiệu tài khoản vay:.....*40.10.09.2101*.....  
Với tổng số tiền là: **3.242.629.081 VND** (Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, không trăm tám mươi một đồng)

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 07/02/2024
  - Ngày đáo hạn: 07/01/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả trong ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 07/01/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.





## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **308.194 trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **11.806 trđ**

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự:

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
- Số hiệu tài khoản vay:.....*407.0009.80.209*.....  
Với tổng số tiền là: **5.444.387.531 VND** (Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi một đồng)

3. Thời hạn vay: 11 tháng

a) Ngày giải ngân: 07/02/2024

b) Ngày đáo hạn: 07/01/2025

4. Lãi suất vay:

a) Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).

c) Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23

6. Phí: Theo quy định hiện hành của Ngân hàng

7. Phạt vi phạm: Không có

8. Lịch trả nợ gốc: 07/01/2025

9. Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).

10. Các nội dung khác (nếu có):

11. Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).

12. Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 07 tháng 02 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Mẫu số 08/HĐTD

Số hợp đồng: /2023/601139/HĐTD

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../ /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

2.439.279.606 đồng Hai tỷ, bốn trăm ba mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi chín ngàn, sáu trăm lẻ sáu đồng chẵn.

Thời hạn vay: 12 tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Quyết toán CT Viettel	Unedtv01	320.242.198	Công ty TNHH Cam Ninh	76010001158595	BIDV - CN BRVT
2	QT KL thi công nhà Gò Cát	Unedtv02	163.820.509	Công ty TNHH TMDV Công Nghiệp Sài Gòn Vũng Tàu	7661 0000 106548	BIDV - CN Vũng Tàu
3	Tiền thuê ct Hilton	Unedtv03	1.300.000.000	Công ty TNHH Kim Hưng Phát	1166 1154 8888	Vietinbank - CN BRVT
4	Khởi công đợt 9 Xây nhà Gò Cát	Unedtv04	300.000.000	Công ty TNHH Vũ Đức Trọng	7661 0000 138888	BIDV CN Vũng Tàu Côn Đảo
	Thanh toán tiền ông phụ kiện ống nước CT A2 (có bảo lãnh G123BE9748)	Unedtv05	355.216.899	Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thép An Phú	090 834 0068	TMCP Sài Gòn Thương Tin - PGD Tân Thành - CN BRVT
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.439.279.606</b>			

Tài liệu liên quan:

- Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.
- Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.
- Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



Tàu, ngày 04 tháng 03 năm 2024  
ĐẠI DIỆN BÊN VAY



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 2 2 5 9 1 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024

CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN

## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: **311.434trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **8.566trđ**

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự: 3

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1,2,4,5
- Số hiệu tài khoản vay:.....*408.00.104.9.XY*.....  
Với tổng số tiền là: **1.139.279.606 VND** (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm lẻ sáu đồng)

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 04/03/2024
  - Ngày đáo hạn: 04.../02/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 04/02/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 04 tháng 03 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bình

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thống

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HDTD ký ngày .../ /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

1.939.065.073 đồng Một tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn, không trăm bảy mươi ba đồng chẵn.

Thời hạn vay: / tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Thanh toán tiền lương tháng 1/2024 cho CBCNV DICcons	Uncdrv01	1.939.065.073	CBCNV Công ty Cổ Phần Xây Dựng DIC Holdings	DANH SÁCH ĐÍNH KÈM	BIDV - CN BRVT
<b>TỔNG CỘNG</b>			1.939.065.073			

Tài liệu liên quan:

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp thuận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*(Handwritten signature)*

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 02 2 5 9 1 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024

CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thống



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN



## PHÂN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : 320.000 trđ
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: 309.495 trđ
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: 10.505 trđ

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự:

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
- Số hiệu tài khoản vay:.....*H030010473.25*.....

Với tổng số tiền là: 1.939.065.073 VND (Bằng chữ: Một tỷ chín trăm ba mươi chín triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi ba đồng)

3. Thời hạn vay: 11 tháng

a) Ngày giải ngân: 04/03/2024

b) Ngày đáo hạn: 04/02/2025

4. Lãi suất vay:

a) Lãi suất vay trong hạn: 7,7%/năm, lãi suất cố định.

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).

c) Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23

6. Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng

7. Phạt vi phạm: Không có

8. Lịch trả nợ gốc: 04/02/2025

9. Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).

10. Các nội dung khác (nếu có):

11. Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).

12. Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 04 tháng 03 năm 2024  
PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bình





Mẫu số 08/HĐTD

Số hợp đồng: /2023/601139/HĐTD

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHLB và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../ /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

1.639.244.874

đồng

Một tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, tám trăm bảy mươi bốn đồng chẵn.

Thời hạn vay: ... tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Tiền tiếp CT A2 Chi Linh	Unedtv01	1.300.000.000	Công ty TNHH Kim Hưng Phát	1166 1154 8888	Vietinbank - CN BRVT
2	Khối lượng thanh toán đợt 3 CT A2-1	Unedtv02	339.244.874	Công ty TNHH Duy Ngọc Phú	050063586657	Sacombank - CN Đồng Nai
<b>TỔNG CỘNG</b>			1.639.244.874			

Tài liệu liên quan:

Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc đến và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp thuận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

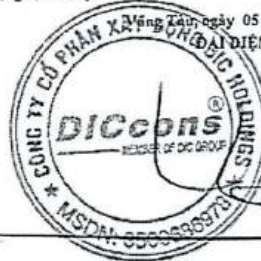
2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KÊ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 022591 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTĐ ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTĐ ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **313.873trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **6.127trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1,2
- Số hiệu tài khoản vay:...../405.00.005.600.....  
Với tổng số tiền là: **1.639.244.874 VND (Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm bảy mươi bốn đồng)**

3. Thời hạn vay: 11 tháng

a) Ngày giải ngân: 05/03/2024

b) Ngày đáo hạn: 05/02/2025

4. Lãi suất vay:

a) Lãi suất vay trong hạn: 7,7%/năm, lãi suất cố định.

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).

c) Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23

6. Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng

7. Phạt vi phạm: Không có

8. Lịch trả nợ gốc: 05/02/2025

9. Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTĐ ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).

10. Các nội dung khác (nếu có):

11. Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTĐ ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).

12. Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 05 tháng 03 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN  
PHỤ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bình

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HDTD ký ngày ... / /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tờ rút số tiền vay:

3.446.277.584

đồng

Ba tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi bảy ngàn, năm trăm tám mươi bốn đồng chẵn.

Thời hạn vay: /... tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

Table with 7 columns: STT, Nội Dung, Số hiệu chứng từ KT, Số tiền, Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng (Người hưởng, Số tài khoản, Ngân hàng), and TÓNG CỘNG.

Tài liệu liên quan:

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng...

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ủy quyền/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ủy quyền/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Handwritten signature

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 2259 Quyền số: 01-SCT/BS

CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Đình Thắng



CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN THỊ NGÂN

## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: **297.726trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **22.274trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-6
  - Số hiệu tài khoản vay: ..... 4.0100111019 .....
- Với tổng số tiền là: **3.446.277.584 VND** (Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi bảy ngàn, năm trăm tám mươi bốn đồng)

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 15/03/2024
  - Ngày đáo hạn: 15/02/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: 7,7%/năm, lãi suất cố định.
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 15/02/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 03 năm 2024  
PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN



Nguyễn Văn Bình



Mẫu số 08/HĐTD

Số hợp đồng : /2023/601139/HĐTD

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../ /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

	750.000.000	đồng	Bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn.
--	-------------	------	------------------------------------

Thời hạn vay: ... tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Khối lượng thanh toán đợt 3 và đợt 4 CT A2-1	Uncdvtv01	750.000.000	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng Mạnh Cường	76010000854128	BIDV- CN Vũng Tàu
<b>TỔNG CỘNG</b>			750.000.000			

Tài liệu liên quan .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp thuận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*(Handwritten signature)*

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng **002 2 5 9 1** Quyển số: 01-SCT/BS

10-12-2024



Vũng Tàu, ngày 15 tháng 03 năm 2024  
ĐẠI DIỆN BÊN VAY

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**Lê Đình Thắng**



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN THỊ NGÂN**



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: **301.172trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **18.828trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
- Số hiệu tài khoản vay:.....405.001110586.....  
Với tổng số tiền là: **750.000.000 VND** (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng)
- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 15/03/2024
  - Ngày đáo hạn: 12/02/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 12/02/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 03 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bình



**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/05/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../.../2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

990.599.422 đồng **Chín trăm chín mươi triệu, năm trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm hai mươi hai đồng chẵn.**

Thời hạn vay: 11 tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Tạm ứng tiền cung cấp và lắp đặt lam nhôm mặt ngoài công trình A2-1	Unedrv01	990.599.422	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINAWINDOW	7601 000 1027659	BIDV - CN BRVT
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>990.599.422</b>			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc, quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp thuận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.
2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.
3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KÊ TOÁN TRƯỞNG

*(Handwritten signature)*

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

Vũng Tàu, ngày 22 tháng 03 năm 2024  
ĐẠI DIỆN BÊN VAY

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 022591 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN THỊ NGÂN**

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**Lê Đình Thắng**

## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSD ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSD ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **303.685trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **16.315trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
  - Số hiệu tài khoản vay:.....*40600144.64.84*.....
- Với tổng số tiền là: **990.599.422 VND** (Bằng chữ: *Chín trăm chín mươi triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng*)

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 22/03/2024
  - Ngày đáo hạn: *24/02/2025*
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (*lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có.*)
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: *24/02/2025*
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSD ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSD ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.



Vũng Tàu, ngày 22 tháng 03 năm 2024  
**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thị Thanh Thủy*



HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHLB và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../.../2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

1.763.767.501

đồng

Một tỷ, bảy trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi bảy ngàn, năm trăm lẻ một đồng chẵn.

Thời hạn vay: 11 tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Thanh toán tiền lương CBCNV tháng 2/2024	Unedtrv01	1.763.767.501	CBCNV Công ty Cổ Phần Xây Dựng DIC Holdings	DANH SÁCH ĐÍNH KÈM	BIDV - CN BRVT
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.763.767.501</b>			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp thuận và có hiệu lực kể từ ngày Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*(Handwritten signature)*

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

**CHỨNG THỰC  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày 10-12-2024  
005927

Số chứng thực.....Quyển số 01 SCT/BS



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng



CÔNG CHỨNG VIÊN  
DƯƠNG VĂN HOÀNG



14

49

## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **301.922trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **18.078trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
- Số hiệu tài khoản vay:.....*1.129.10.11.4.4.Đ*.....  
Với tổng số tiền là: **1.763.767.501 VND (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ một đồng)**
- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 22/03/2024
  - Ngày đáo hạn: 24/02/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (*lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có*).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 24/02/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chí phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.



Vũng Tàu, ngày 22 tháng 03 năm 2024

**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thị Thanh Thủy*



Mẫu số 08/HĐTĐ

Số hợp đồng: /2023/601139/HĐTĐ

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/05/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTĐ ký ngày .../.../2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

4.731.095.662 đồng **Bốn tỷ, bảy trăm ba mươi một triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn, sáu trăm sáu mươi hai đồng chẵn.**

Thời hạn vay: ... tháng  
Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Thanh toán tiền phí nội giới kỳ 1 tháng 3/2024	Uncredv01	4.731.095.662	CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SG HOLDINGS	I 838 838 838	ACB Bank - CN Nguyễn Văn Trỗi - PGD Phan Xích Long
<b>TỔNG CỘNG</b>			4.731.095.662			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp thuận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KÊ TOÁN TRƯỞNG

*(Handwritten signature)*

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực 022591 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024

CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
NGUYỄN THỊ NGÂN

## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **315.265 trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **4.735 trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
- Số hiệu tài khoản vay:.....406001196058.....  
Với tổng số tiền là: **4.731.095.662 VND** (Bằng chữ: *Bốn tỷ bảy trăm ba mươi một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng*)

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 29/03/2024
  - Ngày đáo hạn: 28/02/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (*lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có*).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 28/02/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.



Nguyễn Văn Bình



HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu
Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23
Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT
Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng
Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../.../2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")
Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

21.391.105.368 đồng Hai mươi một tỷ, ba trăm chín mươi một triệu, một trăm lẻ năm ngàn, ba trăm sáu mươi tám đồng chẵn.

Thời hạn vay: 11 tháng
Để thanh toán nội dung dưới đây

Table with 7 columns: STT, Nội Dung, Số hiệu chứng từ KT, Số tiền, Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng, Người hưởng, Số tài khoản, Ngân hàng. Contains 15 rows of loan disbursement details.

TỔNG CỘNG 21.391.105.368

- 1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này.
2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.
3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, phí phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ky quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ky quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Số chứng từ 02259 Quyền số: 10-12-2024
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 27 tháng 03 năm 2024
ĐẠI DIỆN BÊN VAY

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG
NGUYỄN THỊ NGÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS
DICOONS
MISDN: 3500686978

CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Đình Thắng

CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN THỊ NGÂN



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: ..... trđ
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: ..... trđ

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-16
- Số hiệu tài khoản vay: .....  
Với tổng số tiền là: **21.391.105.368 VND** (Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, ba trăm chín mươi một triệu, một trăm lẻ năm ngàn, ba trăm sáu mươi tám đồng)
- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 28/03/2024
  - Ngày đáo hạn: 12/02/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 12/02/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2024





Mẫu số 08/HĐTD

Số hợp đồng: /2023/601139/HĐTD

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../.../2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

1.014.314.414 đồng Một tỷ, không trăm mười bốn triệu, ba trăm mười bốn ngàn, bốn trăm mười bốn đồng chẵn.

Thời hạn vay: 11 tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Thanh toán tiền gạch xây CT A2	Unedvt01	300.000.000	Công ty TNHH vật liệu xây dựng Long Tân	76610002255686	BIDV - Vũng Tàu Côn Đảo
2	Thanh toán tiền thi công CT A2	Unedvt02	406.191.571	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Khôi Nguyên Vũng Tàu	232355556789	MB bank - Chi nhánh Vũng Tàu
3	Thanh toán tiền thi công CT A2 đợt 7	Unedvt03	308.122.843	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG ĐỊA ỐC PHÚC AN	1021396529	Vietcombank - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu
TỔNG CỘNG			1.014.314.414			

Liên quan:

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

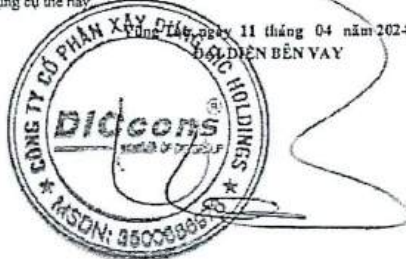
3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Handwritten signature*

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 022591 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN



## PHÂN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **318.947 trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **1.053 trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1,2,3
  - Số hiệu tài khoản vay: 402.001.256.0.64.....
- Với tổng số tiền là: **1.014.314.414 VND (Bằng chữ: Một tỷ. không trăm mười bốn triệu. ba trăm mười bốn nghìn. bốn trăm mười bốn đồng)**

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 12/04/2024
  - Ngày đáo hạn: 12/03/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
- Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 12/03/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 04 năm 2024  
K.T. GIÁM ĐỐC PHÂN  
PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bình





Mẫu số 08/HĐTD

Số hợp đồng : /2023/601139/HĐTD

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../ /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

4.509.457.558 đồng **Bốn tỷ, năm trăm lẻ chín triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, năm trăm năm mươi tám đồng chẵn.**

Thời hạn vay: 11 tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Thanh toán khối lượng đợt 6 công trình Chung Cư A2-1	Unedrv01	260.087.983	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Minh Yên	167704070002112	HD Bank - CN Vũng Tàu - PGD Rạch Dứa
2	Thanh toán Khối lượng đợt 8 công trình Chung Cư A2-1	Unedrv02	183.364.275	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & PHÁT TRIỂN GIA HUY PHÁT	76610000125996	Ngân Hàng TMCP ĐR và PT Việt Nam-CN Vũng Tàu-Côn Đảo
3	Khối lượng thanh toán đợt 17	Unedrv03	419.910.529	Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trung Nguyễn	982384338	ACB - CN Vũng Tàu
4	Khối lượng thanh toán đợt 16	Unedrv04	646.094.771	Công ty TNHH Xây Dựng và Sản Xuất An Huy	7601291445	BIDV - CN BRVT
	Thanh toán tiền thuê CT A2	Unedrv05	3.000.000.000	Công ty TNHH Kim Hưng Phát	1166 1154 8888	Vietinbank - CN BRVT
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.509.457.558</b>			

Tài liệu liên quan:

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KÊ TOÁN TRƯỞNG

*(Signature)*

NGUYỄN THỊ TIÊN PHƯƠNG

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 04 năm 2024



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực 022591 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN THỊ NGÂN**



## PHÂN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **312.990trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **7.010trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
- Số hiệu tài khoản vay:.....403 001 3 1 73 4 4.....  
Với tổng số tiền là: **4.509.457.558 VND (Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm lẻ chín triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi tám đồng)**

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 24/04/2024
  - Ngày đáo hạn: 24/03/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 24/03/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 04 năm 2024



Nguyễn Văn Bình



Mẫu số 08/HĐTD

Số hợp đồng: /2023/601139/HĐTD

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500680978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../ /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

2.500.000.000 đồng Hai tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn.

Thời hạn vay: 11 tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Tiền ứng trước của thư báo lãnh số 116MD2410309462 cung cấp thi công PCCC CT A2 Chi Linh	Unedctv01	2.500.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NAM HÙNG	1161100290003	MB bank - CN Sài Gòn
<b>TỔNG CỘNG</b>			2.500.000.000			

Tài liệu liên quan:

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp thuận gửi ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*[Handwritten signature]*

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 04 năm 2024  
ĐẠI DIỆN BÊN VAY



**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực 022591 Quyền số: 01-SCT/BS  
10-12-2024

CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: **317.499trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **2.501trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
- Số hiệu tài khoản vay: ... 405.001.118.145 .....

Với tổng số tiền là: **2.500.000.000 VND (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng)**

3. Thời hạn vay: 11 tháng

a) Ngày giải ngân: 24/04/2024

b) Ngày đáo hạn: 24/03/2025

4. Lãi suất vay:

a) Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).

c) Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23

6. Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng

7. Phạt vi phạm: Không có

8. Lịch trả nợ gốc: 24/03/2025

9. Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).

10. Các nội dung khác (nếu có):

11. Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).

12. Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 04 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bình



Mẫu số 08/HĐTD

Số hợp đồng: /2023/601139/HĐTD

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../ /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

1.893.738.696	đồng	Một tỷ, tám trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi tám ngàn, sáu trăm chín mươi sáu đồng chẵn.
---------------	------	---

Thời hạn vay: / / tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Thanh toán tiền lương CBCNV tháng 3/2024	Uncdvt01	1.893.738.696	CBCNV Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings	DS đính kèm	BIDV - CN BRVT
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.893.738.696</b>			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp thuận gửi ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

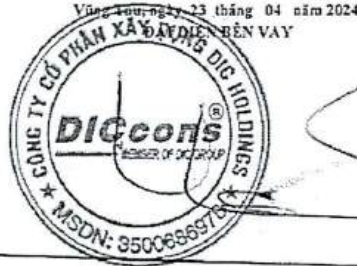
3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KÊ TOÁN TRƯỞNG

*(Handwritten signature)*

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực 022591 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024

CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN

## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSD ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSD ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **315.506trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **4.494trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
  - Số hiệu tài khoản vay: 4000.0130.8.249
- Với tổng số tiền là: **1.893.738.696 VND (Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng)**

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 23/04/2024
  - Ngày đáo hạn: 24/03/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 24/03/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSD ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSD ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 04 năm 2024  
**PHÊ DUYỆT GIÁNGÂN**



Nguyễn Văn Bình

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ (Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../ /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

1.090.758.131 đồng Một tỷ, không trăm chín mươi triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn, một trăm ba mươi mốt đồng chẵn.

Thời hạn vay: 12 tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

Table with 4 columns: STT, Nội Dung, Số hiệu chứng từ KT, Số tiền, and Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng. Includes details for 'Thanh toán tiền thép CT A2 Chi Linh' and a 'TỔNG CỘNG' row.

Tài liệu liên quan:

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này.

Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Handwritten signature of Nguyễn Thị Thanh Phương

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



Vũng Tàu, ngày 26 tháng 04 năm 2024 ĐẠI THUYỀN BÊN VAY

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số chứng thực 022591 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024

CHỦ TỊCH HĐQT Lê Đình Thắng



CÔNG CHỨNG VIÊN NGUYỄN THỊ NGÂN



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: *318.908 trđ*

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
- Số hiệu tài khoản vay:.....*107.001.111.218*.....  
Với tổng số tiền là: **1.090.758.131 VND (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm chín mươi triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, một trăm ba mươi một đồng)**
- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 26/04/2024
  - Ngày đáo hạn: *12/03/2025*
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (*lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có.*)
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: *12/03/2025*
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chí phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 04 năm 2024

**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN**  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Văn Bình*



HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../ /2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

3.900.000.000 đồng Ba tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn.

Thời hạn vay: ... tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

Table with 6 columns: ST T, Nội Dung, Số hiệu chứng từ KT, Số tiền, Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng, Ngân hàng. Rows include Thanh toán tiền KL đợt 1S, Thanh toán tiền KL đợt 17, Ứng tiền HĐ số 06A cung cấp và lắp đặt cửa tầng 6 và 23, Thanh toán tiền gạch và cát đá CT A2, Thanh toán tiền xi măng A2, and TỔNG CỘNG.

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

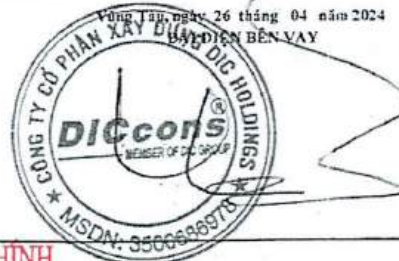
3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Handwritten signature

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 022591 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024

CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Đình Thắng



CÔNG CHỨNG VIỆN
NGUYỄN THỊ NGÂN

## PHẢN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: **315.987trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **4.013trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: **1,2,3,4,5**
  - Số hiệu tài khoản vay:..... **10.20013359M**.....
- Với tổng số tiền là: **3.900.000.000 VND** (Bằng chữ: *Ba tỷ, chín trăm triệu đồng*)
- Thời hạn vay: 11 tháng
    - Ngày giải ngân: 26/04/2024
    - Ngày đáo hạn: 26/03/2025
  - Lãi suất vay:
    - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
    - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (*lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có*).
    - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
  - Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
  - Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
  - Phạt vi phạm: Không có
  - Lịch trả nợ gốc: 26/03/2025
  - Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
  - Các nội dung khác (nếu có):
  - Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
  - Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 04 năm 2024

**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN**  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Văn Bình*

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ (Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KIHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500685978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày 12/07/2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

4.807.538.169

đang Đón tỷ, tám trăm lẻ bảy triệu, năm trăm ba mươi tám ngàn, một trăm sáu mươi chín đồng chẵn.

Thời hạn vay: 11 tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

Table with 7 columns: STT, Nội Dung, Số hiệu chứng từ KT, Số tiền, Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng, Người hưởng, Số tài khoản, Ngân hàng. Rows include items like 'Tiền bố tổng CT Hilton', 'Tạm ứng 15% hợp đồng 14/ HĐMB. DICcons-Constech', etc.

Tài liệu liên quan:

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH. Số chứng thực 02259. Quyền số: 01-SCY/BS

10-12-2024



CÔNG CHỨNG VIÊN NGUYỄN THỊ NGÂN



CHU TỊCH HĐQT Lê Đình Thắng



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này: **314.396trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **5.604trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1,2,3,4,5,6,7,8
  - Số hiệu tài khoản vay: **49001365786**
- Với tổng số tiền là: **4.807.538.169 VND (Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm lẻ bảy triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng)**
- Thời hạn vay: 11 tháng
    - Ngày giải ngân: 07/05/2024
    - Ngày đáo hạn: 07/04/2025
  - Lãi suất vay:
    - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
    - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
    - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
  - Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
  - Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
  - Phạt vi phạm: Không có
  - Lịch trả nợ gốc: 07/04/2025
  - Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
  - Các nội dung khác (nếu có):
  - Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
  - Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 07 tháng 05 năm 2024  
**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN**  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Văn Bình*



Mẫu số 08/HĐTD

Số hợp đồng: /2023/601139/HĐTD

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thăng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ký ngày .../.../2023 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

6.405.332.911 đồng Sáu tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn, chín trăm mười một đồng chẵn.

Thời hạn vay: ..... tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Tam ứng tiền gạch ốp lát CT A2	Unediv01	927.810.210	CÔNG TY TNHH PHÙ MỸ CERAMICS	110640606688	Vietinbank - CN BRVT
2	Ứng tiền Phụ lục HD số 01/12/HĐMB DICcons-TAP và tiền HD số 17/A2/HĐGK.DICcons-TAP thi công vách kính phòng tắm CT A2	Unediv02	2.012.866.038	Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thép An Phú	090 834 0068	TMCP Sài Gòn Thương Tin - PGD Tân Thành, CN BRVT
3	Ứng tiền sơn nước CT A2	Unediv03	896.042.092	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN HOÀNG SƠN	185003519	ACB - CN Quận 3, TPHCM
4	Ứng tiền trần thạch cao CT A2	Unediv04	1.475.614.571	Công ty TNHH Sản Xuất và Kỹ Thuật Hưng Thịnh	218321939	ACB Bank - PGD Thống Nhất - TPHCM
5	Ứng tiền trần thạch cao CT A2	Unediv05	593.000.000	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG TÂN ĐỨC PHÁT	7661000037779	Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vũng Tàu
6	Tiền KL công trình A2	Unediv06	500.000.000	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng Mạnh Cường	76010000854128	BIDV- CN Vũng Tàu
TỔNG CỘNG			6.405.332.911			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

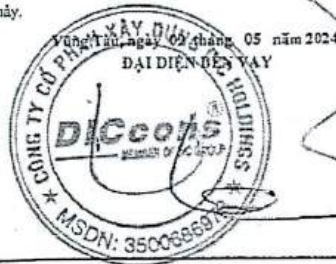
3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KÊ TOÁN TRƯỞNG

le

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thăng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 022591 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSEĐ ngày 30/01/2024.
- Thời hạn hạn mức: đến ngày 12/05/2024 hoặc khi có quyết định cấp HMTD ngắn hạn năm 2024-2025, tùy thời điểm nào đến sớm hơn
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **320.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSEĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có) đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **313.481trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **6.519 trđ**

### II. Đồng ý đề Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý đề Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: **1,2,3,4,5,6**
- Số hiệu tài khoản vay:.....**401.02199.5.1.94**.....  
Với tổng số tiền là: **6.405.332.911 VND (Bằng chữ: Sáu tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm mười một đồng)**

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 10/05/2024
  - Ngày đáo hạn: 10/04/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,7%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 10/04/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSEĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2024/601139/VBSEĐ ngày 30/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 05 năm 2024

**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN**  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Văn Bình*